

NHẬN THỨC CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT VỀ THẾ GIỚI (Thông qua phương thức định danh sự vật, hiện tượng của từ ghép chính phụ)

PGS.TS ĐỖ VIỆT HÙNG

1. Đặt vấn đề

Nói một cách khái quát, định danh là đặt tên cho sự vật, hiện tượng của thế giới. Tuy nhiên, mỗi ngôn ngữ, theo các đặc điểm của riêng mình như đặc điểm về các phương thức cấu tạo từ, và kèm theo nó là các đặc điểm nhận thức, tư duy của cộng đồng sẽ có những cách thức định danh khác nhau. Ngay cả trong cách đặt tên riêng, trong đó có tên người, các phương thức đặt tên của mỗi ngôn ngữ cũng cho thấy những cách nhìn nhận và các kiểu ý nghĩa khác nhau, chẳng hạn, với tên người Nga, các cách gọi tên *Александр - Саша - Сашка, Алексей - Алёша, Наталья - Наташа...* thể hiện các mối quan hệ thân thiết khác nhau, trong khi đó tên người Việt không có kiểu cấu tạo như vậy, mà các ý nghĩa biểu thái thường kèm theo các danh từ thân tộc đi kèm như: *anh, chú, bác, ông... cô, chị, bà...* Đối với các danh từ chung, tình hình cũng diễn ra như vậy. Chẳng hạn, tiếng Việt không có kiểu cấu tạo chính tố + phụ tố để tạo ra các từ có sắc thái âu yếm, như: *дом - домик, стол - столик, дочь - дочка, книга - книжка- книжечка...*

2. Định danh và vấn đề nhận thức cộng đồng

Từ vựng của một ngôn ngữ được coi là bình diện có sự biến đổi và phát triển nhanh nhất, so với các bình diện ngữ âm, ngữ pháp. Sở dĩ có sự biến đổi và phát triển nhanh nhất là vì từ vựng là bình diện gắn chặt với sự biến đổi và phát triển của xã hội. Dễ dàng nhận thấy, sự mất đi, sự bổ sung các đơn vị từ vựng của tiếng Việt trong những năm gần đây rất rõ nét. Chẳng hạn như các đơn vị từ vựng được cấu tạo mới trong ngôn ngữ hoặc vay mượn từ những ngôn ngữ khác: *game thủ, com-pu-tơ, in-tơ-net...* Bên cạnh việc tạo ra các từ mới hoặc vay mượn, cộng đồng ngôn ngữ còn sử dụng phương thức chuyển nghĩa để tạo ra những nghĩa mới, đáp ứng nhu cầu định danh các sự vật hiện tượng mới trong xã hội. Chẳng hạn, với sự xuất hiện của kinh tế thị trường, tiếng Việt còn chuyển nghĩa cho từ *sàn* (trong *sàn giao dịch*), với cách thức tuyển sinh đại học trong giai đoạn này, từ *sàn* còn có nghĩa “tối thiểu” (trong *điểm sàn*), hoặc với sự bùng nổ của công nghệ thông tin và sự phổ biến của máy vi tính trong đời sống, xuất hiện cách diễn đạt *bệnh viện máy tính, bác sĩ máy tính*. Sử dụng phương thức chuyển nghĩa cũng là biểu

hiện khá đặc trưng trong tư duy cộng đồng và là một dấu hiệu tư duy - văn hóa không thể không tính đến trong mối quan hệ giữa nghĩa ngôn ngữ và đặc trưng tư duy - văn hóa cộng đồng. Cách nói “*chuyện này muỗi*” - *muỗi* với nghĩa “nhỏ nhất, không gây ra khó khăn gì” cũng là biểu hiện cho mối quan hệ mà chúng tôi vừa đề cập.

Quá trình định danh, gắn với sự xuất hiện nhu cầu gọi tên các sự vật, hiện tượng mới xuất hiện. Quan tâm đến những vấn đề này cùng với sự khảo sát quá trình định danh lịch đại là một trong những hướng nghiên cứu quan trọng nhằm phát hiện các đặc điểm nhận thức cộng đồng về thế giới. Về phương thức định danh của tiếng Việt xét từ góc độ cấu tạo, ngoài từ đơn - là những từ xuất hiện sớm nhất trong tiếng Việt (so với từ ghép và từ láy) - với các xu hướng chuyển nghĩa như đã nêu, còn cần quan tâm đến các phương thức cấu tạo từ, đặc biệt là phương thức ghép. Phương thức ghép được hiểu là phương thức tạo từ mới trên cơ sở ghép các hình vị với

nhau như: *xe đạp, xe máy, ... xe cộ*... Chúng ta thường chia phương thức ghép thành hai tiểu phương thức: ghép đẳng lập và ghép chính phụ, trong đó, theo quan niệm của chúng tôi, ghép chính phụ là tiểu phương thức được sử dụng nhiều hơn trong quá trình định danh các sự vật, hiện tượng mới. Quá trình này phản ánh sự cụ thể hóa trong nhận thức của cộng đồng. Nhận định này hoàn toàn có thể được chứng minh bằng quá trình xuất hiện, quá trình sản sinh các từ ghép. Xét quá trình định danh, về mặt lô gích, *xe* sẽ xuất hiện trước các từ *xe đạp, xe máy*... và *xe đạp* xuất hiện trước *xe đạp điện*. Như vậy, có thể đi đến kết luận, sự xuất hiện từ ghép trong tiếng Việt (nhất là từ ghép chính phụ) tương ứng với quá trình nhận thức của người Việt theo hướng cá thể hóa để định danh cho sự vật, hiện tượng...

2.1. Hình vị chính và vấn đề quy loại sự vật trong tư duy - ngôn ngữ cộng đồng

Cấu tạo thường gặp của từ ghép chính phụ trong tiếng Việt¹ như sau:

(Hình vị) chính

Chỉ loại
(đặc điểm đồng nhất với các sự vật, hiện tượng khác)

Áo

Áo

Áo

Như vậy, quá trình định danh, theo cấu tạo của từ ghép chính phụ tiếng Việt, xảy ra theo hai bước:

(i) Quy loại sự vật, hiện tượng mới;

(Hình vị) phụ

Đặc điểm, tính chất có giá trị khu biệt
(đặc điểm đối lập với các sự vật, hiện tượng đồng loại)

bông

mưa

len

(ii) Tìm đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng mới có chức năng khu biệt với những sự vật, hiện tượng khác cùng loại.

Và cả hai bước này đều có giá trị nhất định trong việc phản ánh nhận thức của cộng đồng về sự vật, hiện tượng trong thế giới.

Cá voi là một minh chứng quan trọng cho tư duy cộng đồng người Việt trong quá trình quy loại (tiếng Anh: *whale*, tiếng Nga: *kum*), mặc dù là động vật có vú nhưng có thân hình giống “cá” (có vây ngực, vây đuôi). Các trường hợp như *củ lạc*, *củ su hào*, *củ chuối*... là những trường hợp tương tự khi bản chất sinh học của các “củ” này thuộc các bộ phận khác, không phải củ nhưng được cộng đồng người Việt quy loại vào “củ”, trong khi đó ở các ngôn ngữ khác, tính hình rất có thể không như vậy. Điều này cũng đã được nhiều nhà nghiên cứu đề cập đến ở những bình diện khác nhau và rõ nhất là nhận xét của Nguyễn Đức Tồn trong [6].

2.2. Hình vị phụ và đặc điểm nhận thức trong tư duy - ngôn ngữ của người Việt

2.2.1. Hình vị phụ và các đặc điểm cá thể hóa sự vật

Đối với yếu tố thứ hai với chức năng khu biệt, mỗi dân tộc sẽ lựa chọn những đặc điểm riêng của sự vật để định danh. Đặc điểm khu biệt của sự vật, hiện tượng được lựa chọn ở mỗi cộng đồng ngôn ngữ có nét riêng, không giống với cộng đồng ngôn ngữ khác. Xem xét và phân tích yếu tố này sẽ cho thấy cách nhìn của cộng đồng đối với thế giới. Cũng cần nhìn nhận một cách khách quan rằng, đặc điểm khu biệt của sự vật có thể được thay đổi

theo thời gian, theo sự biến động trong nhận thức cộng đồng. Thực tế tiếng Việt cho thấy, ngay với một sự vật, quá trình định danh có thể thay đổi. Thí dụ, “quả dưa màu vàng” trong tiếng Việt vốn có tên gọi *dưa Mỹ*, rồi *dưa Thái* (định danh dựa vào đặc điểm nguồn gốc) và hiện nay là *dưa vàng* (định danh theo đặc điểm màu sắc).

Nhận thức được tầm quan trọng của việc khảo sát từ ghép chính phụ trong nghiên cứu đặc điểm nhận thức của cộng đồng về thế giới, Nguyễn Đức Tồn và các cộng sự đã tiến hành xem xét các nguyên tắc định danh bộ phận cơ thể người, định danh động vật, định danh thực vật trong tiếng Việt có so sánh với tiếng Nga và một số ngôn ngữ khác (xem [6]).

Theo nhóm nghiên cứu của Nguyễn Đức Tồn, có 15 đặc điểm của động vật được cộng đồng người Việt và người Nga coi là các đặc điểm quan trọng có chức năng khu biệt được sử dụng để định danh động vật trong các ngôn ngữ của mình. Sự khác biệt giữa các đặc điểm này về mức độ ưu tiên cho thấy những nét riêng trong cách nhìn thế giới về động vật ở hai cộng đồng. “Nếu như trong tiếng Việt “đặc trưng hình thức” được chú ý vào hạng số một thì trong tiếng Nga đặc trưng này đứng ở hạng thứ hai. Còn đặc trưng được chú ý ở hạng số một đối với người Nga lại là “đặc trưng tiếng kêu”. Song, “đặc trưng tiếng kêu” đối với người Việt chỉ đứng ở hạng thứ sáu. Trong khi “đặc trưng màu sắc” của con vật được người Việt chú ý ở hạng thứ ba,

thì người Nga chỉ chú ý ở hạng thứ tư. Ở hạng thứ tư, người Việt chú ý đến đặc trưng “môi trường sống”, người Nga thậm chí không chọn đặc điểm này của con vật làm cơ sở định danh” [6, 268].

So sánh với các bộ lí do định danh thực vật trong các ngôn ngữ Nga, Anh, Ca-dắc-xtan, Nguyễn Đức Tồn nhận xét: “Bộ lí do của tiếng Việt giao chéo với bộ lí do của ba ngôn ngữ Nga, Anh, Ca-dắc-xtan chứ không hoàn toàn trùng nhau. Bởi vì ngoài các lí do trùng nhau với ba ngôn ngữ, tiếng Việt còn có những kiểu loại lí do nằm ngoài phạm vi giao nhau. Cụ thể là bộ lí do của tiếng Việt phong phú hơn. Trong tiếng Việt có nhiều lí do mà ba ngôn ngữ trên không sử dụng khi đặt tên cho thực vật. Đó là các kiểu lí do sau:

i) Nguồn gốc xuất xứ của tên gọi thực vật;

ii) Đặc điểm cấu tạo;

iii) Đặc điểm thời gian sinh trưởng hoặc thu hoạch;

iv) Đặc tính bộ phận thực vật được sử dụng.” [6, 281]

Các đặc tính được chọn làm cơ sở cho sự cá thể hóa sự vật trong quá trình định danh có sự khác biệt giữa động vật và thực vật (qua nguồn ngữ liệu của các tác giả nêu trên) không chỉ giữa ngôn ngữ này với ngôn ngữ khác mà còn có sự khác biệt giữa các phạm trù động vật và thực vật trong cùng một ngôn ngữ. Chẳng hạn, dễ nhận thấy có những đặc điểm có ở nhóm định danh này mà không có ở

nhóm định danh khác, thí dụ, đặc điểm tiếng kêu; đặc điểm thức ăn đặc trưng; đặc điểm được (hay chưa được) thuần hóa; đặc điểm về giống (đực, cái); đặc điểm về cách thức di chuyển v.v. là những đặc điểm được chọn trong định danh động vật mà không có trong quá trình định danh thực vật. Ngược lại, đặc điểm thời gian sinh trưởng hoặc thu hoạch; đặc điểm số lượng bộ phận của cây v.v. được chọn trong định danh thực vật mà không có trong định danh động vật. Điều đó cho thấy việc lựa chọn các đặc điểm cá thể hóa trong định danh sự vật không chỉ có sự khác biệt trong nhận thức các cộng đồng khác nhau mà còn có sự khác biệt trong lựa chọn các đặc điểm ở các phạm trù sự vật khác nhau ở cùng một cộng đồng. Thí dụ, qua khảo sát tư liệu của chúng tôi, đối với phạm trù máy móc, có đến 24/38 (~ 63%) trường hợp sử dụng đặc điểm chức năng để cá thể hóa sự vật: *máy ảnh, máy bào, máy bơm, máy cày, máy cắt, máy chém, máy chiếu, máy doa, máy điều hòa, máy ghi âm, máy hát, máy kéo, máy khâu, máy khoan, máy phát điện, máy phay, máy thu hình, máy thu thanh, máy tiện, máy tính, máy trợ thính, máy ủi, máy xúc*, và có trường hợp, đặc điểm hoạt động được lựa chọn để cá thể hóa, như: *máy hơi nước*,... Hoặc như đối với các loại (bánh), bên cạnh các dấu hiệu hình thức: *bánh bèo, bánh tai voi*,... còn có các dấu hiệu khác không sử dụng trong việc định danh thực vật hoặc động vật mà liên quan trực tiếp đến đặc trưng của “bánh”. Thí dụ như, đặc điểm nguyên liệu chính hoặc nguyên liệu đặc trưng (chiếm số

lượng lớn): *bánh chả, bánh cốm, bánh đa nem, bánh đậu xanh, bánh gai, bánh khoai, bánh khúc, bánh mật, bánh mì, bánh nếp, bánh phở, bánh quế, bánh sữa, bánh tẻ, bánh tôm,...* và đặc điểm cách thức chế biến, như: *bánh nướng, bánh rán, bánh tráng,...* Ngay cả trong nhóm thực vật, nhất là các loại hoa, cũng có thể thấy những đặc điểm rất chi tiết như: thời gian nở (*hoa mười giờ*); thời gian tỏa hương (*hoa dạ hương*) rất ít sử dụng cho thực vật nói chung.

Như vậy, giá trị ý nghĩa của các hình vị phụ trong từ ghép tiếng Việt khá đa dạng và phụ thuộc nhiều vào kiểu ý nghĩa của hình vị chính mà chúng kết hợp để định danh. Điều này cho thấy đặc điểm cá thể hóa trong mỗi cộng đồng được lựa chọn tùy theo nhóm sự vật, mỗi nhóm sự vật có một danh sách riêng các đặc điểm được sử dụng để cá thể hóa, nếu các nhóm sự vật có một số lượng các đặc điểm nào đó trùng nhau thì tần số sử dụng mỗi đặc điểm ở các nhóm sự vật khác nhau cũng khác nhau. Mặc dù đã có những nghiên cứu có tính dẫn đường về tính phổ biến và tính đặc thù trong quá trình định danh ([xem 6]) nhưng để đi đến việc thiết lập danh sách các đặc điểm cá thể hóa được trong ý nghĩa của các hình vị phụ trong sự phụ thuộc vào ý nghĩa của hình vị chính cần có những nghiên cứu chi tiết và cụ thể hơn.

2.2.2. *Ấn dụ trong quá trình định danh sự vật theo phương thức tạo từ mới*

Như trên đã nói, để định danh các sự vật, hiện tượng mới xuất hiện trong đời sống, ngoài các phương thức cấu tạo từ mà kết quả là các từ mới,

các cộng đồng trên thế giới, trong đó có người Việt còn sử dụng phương thức chuyên nghĩa (ẩn dụ và hoán dụ) cho từ mà kết quả là vô âm thanh của các từ cũ có thêm nghĩa hoặc những nghĩa mới - định danh cho sự vật.

Ấn dụ không chỉ xảy ra với những từ đã có để tăng thêm nghĩa cho từ mà còn xảy ra trong quá trình tạo từ mới ở cả phương diện các hình vị phụ lẫn từ mới.

a) *Từ phương diện hình vị phụ*

Việc định danh theo phương thức ghép chính phụ không chỉ phản ánh đặc điểm nhận thức của người Việt qua hai phương diện - quy loại và chọn đặc điểm cá thể hóa sự vật, mà còn phản ánh thêm cách tư duy của người Việt thông qua quá trình ẩn dụ hóa nghĩa của các hình vị phụ.

Nguyễn Đức Tồn trong [6], qua phân tích ngữ liệu và đối sánh tên gọi giữa các ngôn ngữ, đã chỉ ra rằng, đặc điểm hình thức của sự vật là một trong số những đặc điểm cá thể hóa được sử dụng nhiều nhất. Để định danh sự vật theo đặc điểm hình thức, người Việt có thể dùng thẳng các dấu hiệu hình thức hay màu sắc của sự vật, kiểu như: *cá bạc má, dưa đỏ, cúc trắng, dưa vàng, đậu đỏ, đậu xanh, đậu đen...* nhưng phần lớn các trường hợp, người Việt không sử dụng trực tiếp các dấu hiệu như vậy mà thường lựa chọn các tên gọi của các sự vật khác có hình thức hay màu sắc tương đồng. Thí dụ, *bèo cám, bèo tấm, dưa chuột, cà bát, cải cúc, cải hoa, đậu dãi áo, đậu rồng, chuối rẽ quạt, chuối sợi, ổi nghệ, thông đuôi ngựa, bánh tai voi, bánh bèo,*

hoa đồng tiền, hoa mồm chó, hoa móng rồng, hoa mào gà, hoa loa kèn... Các yếu tố phụ trong các từ định danh được coi làm chuẩn hình thức để chỉ hình dáng của các loại *bèo, dưa, cà, cải, đậu, chuối, ổi, thông, bánh, hoa* v.v.. Trong số các hình vị phụ, có những hình vị bắt nguồn từ các cụm từ trong thực tế ngôn ngữ như: *dải áo, rẽ quạt, đuôi ngựa, tai voi, đồng tiền, mồm chó, móng rồng, mào gà, loa kèn...* Các cụm từ này được sử dụng để kết hợp với các từ chỉ loại như *đậu, chuối, hoa...* Và, nếu coi *đậu dải áo, hoa đồng tiền, hoa mào gà...* là các từ ghép chính phụ thì các đơn vị vốn là từ hoặc cụm từ như đã nêu giữ vai trò là các hình vị cấu tạo từ, và ở đây có mặt sự ẩn dụ hóa cụm từ để giữ chức năng hình vị phụ trong từ ghép chính phụ.

b) Từ phương diện từ

Việc định danh theo lối ẩn dụ như vậy không chỉ xảy ra ở phạm vi các hình vị phụ mà còn xảy ra ở phạm vi từ. Đặc biệt, là ẩn dụ từ các cấu tạo cụm từ (gốc) sang từ mới. Ở đây, chúng tôi muốn đề cập đến các trường hợp như: *đầu bò* (bộ phận của xe máy), *con chuột* (bộ phận của máy tính), *chân vịt* (bộ phận của tàu thủy), *ổ gà* (hố trên đường) v.v.. Các đơn vị như: *đầu bò, con chuột, chân vịt* hay *ổ gà* trong nghĩa gốc có cấu tạo như một cụm từ chính phụ - hoặc gồm một thành tố chính - thành tố phụ (*đầu bò, chân vịt, ổ gà*) hoặc là danh từ đơn vị và danh từ sự vật (*con chuột*). Nhưng, khi được sử dụng để định danh các sự vật trong cấu tạo của "xe máy", "máy vi tính" hoặc "tàu thủy", chúng đã được ẩn dụ hóa. Trong nhiều tài liệu nghiên cứu

về cấu tạo từ tiếng Việt, các trường hợp này được coi là các từ ghép chính phụ biệt lập² - tức có hình thức là các từ ghép nhưng kiểu ý nghĩa không tuân theo kiểu ý nghĩa của các từ ghép chính phụ (AB có nghĩa là một loại A với các đặc điểm khu biệt với các loại của A). Chúng tôi cho rằng, xét về kiểu ý nghĩa, loại các từ như vậy không thể quy vào loại từ ghép chính phụ mà nên xếp chúng vào loại từ đơn đa âm.

Như vậy, việc ẩn dụ hóa ý nghĩa của các hình vị phụ và cả các từ là một trong những nét đặc sắc của cấu tạo từ tiếng Việt. Chúng có liên quan mật thiết đến đặc điểm tư duy - văn hóa trong nhận thức các sự vật, hiện tượng trong đời sống trên nền vốn từ vựng sẵn có của cộng đồng. Có thể khẳng định, bên cạnh những đặc trưng về lựa chọn các đặc điểm cá thể hóa riêng của người Việt qua so sánh với các ngôn ngữ khác, dễ dàng nhận thấy xu hướng phân tích sự vật theo lối so sánh của người Việt. Các trường hợp *đầu bò, con chuột...* như đã dẫn vốn là các cụm từ nhưng khi được ẩn dụ hóa đã trở thành từ. Và, như vậy, ở đây có mặt quá trình từ hóa các cụm từ thông qua ẩn dụ.

Nếu chấp nhận như vậy (đặc biệt là đối với sự ẩn dụ hóa ở phạm vi từ) thì bên cạnh các phương thức cấu tạo từ truyền thống như từ hóa hình vị, ghép hình vị và lấy hình vị cần quan tâm đến một phương thức, có thể nói, là có sức sản sinh không nhỏ, đó là phương thức ẩn dụ hóa cụm từ trong cấu tạo từ. Đây là điểm khá mới do chúng tôi đề xuất, rất có thể chưa được nhiều người chấp nhận nhưng trên thực tế định danh, phương thức này đã phát

huy tác dụng tốt và được sử dụng nhiều trong thực tiễn của tiếng Việt.

3. Kết luận

- Quá trình định danh sự vật, hiện tượng phản ánh rõ nét đặc điểm tư duy - ngôn ngữ của cộng đồng sử dụng ngôn ngữ. Chức năng định danh có thể được thực hiện nhờ cả từ và các ngữ. Tuy nhiên ở đây chúng tôi chủ yếu đề cập đến cách thức định danh của từ ghép chính phụ. Phân tích các từ ghép chính phụ là một trong những cách thức khám phá đặc trưng tư duy - ngôn ngữ của người Việt trong quá trình định danh sự vật, hiện tượng.

- Quá trình quy loại và cá thể hóa trong định danh sự vật mang đậm dấu ấn của người Việt. Hình vị phụ trong các từ ghép chính phụ có nhiều kiểu ý nghĩa khác nhau phụ thuộc vào ý nghĩa của hình vị chính. Chẳng hạn, với ý nghĩa "máy móc" của hình vị chính, phần lớn hình vị phụ của từ ghép chính phụ tiếng Việt chứa ý nghĩa chỉ đặc điểm chức năng, còn khi hình vị chính có ý nghĩa "bánh" thì hình vị phụ thường chỉ đặc điểm nguyên liệu chính hoặc nguyên liệu đặc trưng. Điều đó cho thấy đặc điểm cá thể hóa trong mỗi cộng đồng được lựa chọn tùy theo nhóm sự vật, mỗi nhóm sự vật có một danh sách riêng các đặc điểm được sử dụng để cá thể hóa, nếu các nhóm sự vật có một số lượng các đặc điểm nào đó trùng nhau thì tần số sử dụng mỗi đặc điểm ở các nhóm sự vật khác nhau cũng khác nhau.

- Ấn dụ hóa là một phương thức cấu tạo từ được người Việt sử dụng

thường xuyên. Ấn dụ hóa không chỉ xảy ra ở các đơn vị là từ để chuyển nghĩa mà còn xảy ra ở phạm vi hình vị - đơn vị có chức năng cấu tạo từ. Nhờ ấn dụ hóa, các cụm từ có thể giữ vai trò làm hình vị trong cấu tạo của từ ghép chính phụ, thực hiện chức năng khu biệt trong việc chỉ ra đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng. Ấn dụ hóa cũng là phương thức có sức sản sinh lớn trong quá trình làm cho các cụm từ được chuyển nghĩa và thực hiện chức năng như từ. Điều đó chứng tỏ ấn dụ không chỉ là phương thức chuyển nghĩa thuần túy của các vô âm thanh sẵn có mà còn có tác dụng từ hóa các cụm từ trong quá trình định danh.

CHÚ THÍCH

¹ Ở đây chỉ nói đến các từ ghép chính phụ tiếng Việt với trật tự hình vị chính đứng trước, hình vị phụ đứng sau. Đối với các từ ghép chính phụ Hán Việt, có thể gặp trật tự: hình vị phụ đứng trước, hình vị chính đứng sau, thí dụ yếu điểm, quốc kì, quốc ca v.v..

² Xem [1].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu, *Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb GD, 1981.
2. Đỗ Hữu Châu, *Cơ sở ngữ nghĩa học từ vựng*, Nxb ĐH & THCN, 1983.
3. Trần Văn Cơ, *Ngôn ngữ học tri nhận (ghi chép và suy nghĩ)*, Nxb KHXH, 2007.
4. Nguyễn Thiện Giáp, *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb GD, 1998.

5. Lý Toàn Thắng, *Ngôn ngữ học tri nhận - từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*, Nxb KHXH, 2005.

6. Nguyễn Đức Tồn, *Đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy*, Nxb Từ điển bách khoa, 2010.

7. Баранов А.Н., *Метафорические грани феномена коррупции// Общественные науки и современность*, № 2, 2004.

8. Болдырев Н.Н., *Когнитивная семантика: Курс лекций по английской филологии*, Тамбов, 2001.

9. Будаев Э.В., Чудинов А.П., *Метафора в политическом интердискурсе*, Екатеринбург, 2006.

10. Лакофф Дж., Джонсон М., *Метафоры, которыми мы живем: Пер. с англ./Под. ред. и с предисл. А.Н. Баранова*, М, 2004.

11. Рудакова А.В., *Когнитология и когнитивная лингвистика/ Под. ред. И.А. Стернина*, Воронеж, 2002.

SUMMARY

The nomination of things and phenomena in a language clearly reflects the thought and the cultural characteristics of the community using it. The analysis of the structures of hypotactic compound words shows that the features of individualization have been selected depending on each group of things. There is not a common list of features for all categories of things. Besides, the role and frequency of characteristics used to individualize various things differ for different categories. The differences in distinctive elements in nomination occur not only among languages but also within each language, among categories of things. Each category of things has its own list of distinctive elements. Vietnamese data also show that metaphor occurs not only at the level of phonemes which play a differentiating role of things and phenomena but also at the level of words. This fact indicates that metaphor can not only change the meaning of given sounds but also transform phrases into words in nominations.